

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VÂN CANH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 15-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Ngọc Hùng
- Bà Lê Thị Thu Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Phan Vạn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:* - Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982

- Chị Tạ Thị Cẩm L1, sinh năm 1987

Đồng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2024, bản tự khai ngày 01/7/2024, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 25/8/2023 vợ chồng anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 có mượn của anh Nguyễn Văn L số tiền 40.000.000đ, anh T, chị L1 tự nguyện viết giấy mượn tiền ký tên cả hai người trong giấy và đưa giấy mượn tiền cho anh L giữ. Ngày 12/11/2023 chị Tạ Thị Cẩm L1 tiếp tục mượn anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000đ, có viết giấy mượn tiền kèm theo. Tổng số tiền hai lần mượn là

50.000.000đ. Khi mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến nay đã hết thời hạn trả nợ anh đã nhiều lần đến hỏi nhưng anh T, chị L1 hứa hẹn, không chịu trả khoản tiền trên. Nay anh Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 trả lại cho anh L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và yêu cầu trả một lần, anh L không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, anh L không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 25/8/2023 do cần tiền nên vợ chồng anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 có mượn của anh Nguyễn Văn L số tiền 40.000.000đ có viết giấy mượn tiền, ký tên trong giấy mượn tiền và đưa anh L giữ. Ngày 12/11/2023 chị L1 tiếp tục mượn anh L số tiền 10.000.000đ, có viết giấy mượn tiền kèm theo. Tổng số tiền hai lần mượn là 50.000.000đ. Khi mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng anh T, chị L1 vẫn trả tiền lãi cho anh L. Khoảng 03 tháng gần đây do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 không trả tiền cho anh L. Nay anh L yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 trả lại cho anh L số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trả một lần anh T không đồng ý, vì hiện tại anh T không có điều kiện trả nợ một lần. Anh T1 đồng ý sẽ trả cho anh L 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết số tiền nợ gốc 50.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Tạ Thị Cẩm L1 trình bày:

Chị thống nhất như nội dung chồng chị là anh Nguyễn Ngọc T đã trình bày. Ngày 25/8/2023 vợ chồng chị có mượn của anh Nguyễn Văn L số tiền 40.000.000đ và ngày 12/11/2023 chị L1 mượn anh L 10.000.000đ. Hai lần mượn đều có viết giấy mượn tiền kèm theo. Tổng số tiền hai lần mượn là 50.000.000đ. Khi mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng chị và anh T vẫn trả tiền lãi cho anh L. 03 tháng gần đây do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị L1, anh T không trả tiền cho anh L. Nay anh L yêu cầu anh T, chị L1 trả cho anh L số tiền nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chị L1 không có điều kiện trả nợ một lần và đồng ý sẽ trả cho anh L 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết số tiền nợ gốc 50.000.000đ.

Đại diện VKSND huyện Vân Canh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; các thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L. Buộc anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn L toàn bộ số tiền là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh T, chị L1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 hiện nay cư trú tại khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 chịu trách nhiệm trả cho anh L số tiền nợ gốc là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 trả tiền lãi.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào hai giấy mượn tiền ngày 25/8/2023 và ngày 12/11/2023 thể hiện anh L có cho anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 vay tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 đã nhận tiền đủ. Anh Nguyễn Ngọc T, chị Tạ Thị Cẩm L1 cũng thống nhất nội dung trong hai giấy mượn tiền ngày 25/8/2023 và ngày 12/11/2023 và xác định anh T, chị L1 có viết và ký tên vào hai giấy mượn tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều thống nhất nội dung khai, cho thấy tại thời điểm anh L cho anh T, chị L1 vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên khi hết thời hạn vay tiền, anh T, chị L1 nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh L là đã vi phạm hợp đồng. Do đó, anh T, chị L1 có nghĩa vụ trả nợ cho anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với trình bày của anh T, chị L1 về việc đồng ý trả tiền vay gốc 50.000.000đ cho anh L nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, hiện tại không đủ khả năng trả một lần mà chỉ đồng ý trả cho anh L 1.000.000đ/tháng đến khi hết số tiền nợ gốc 50.000.000đ nhưng không được anh L đồng ý; do anh T, chị L1 là người vay tiền của anh L, nên anh T, chị L1 là người có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của anh T, chị L1.

[2.4] Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Tạ Thị Cẩm L1 chịu trách nhiệm trả cho anh L số tiền vay gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T và chị Tạ Thị Cẩm L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T và chị Tạ Thị Cẩm L1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0003175 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T và chị Tạ Thị Cẩm L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai Phương**

